

QUAN HỆ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI

TS TRẦN THỌ QUANG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1. Quan hệ đối tác chiến lược trong chính sách đối ngoại của Việt Nam

Chính sách đối ngoại là sự phản ứng của quốc gia đối với sự thay đổi của tình hình quan hệ quốc tế. Sự phản ứng này có thể mang tính chủ động hay bị động, tích cực hay tiêu cực. Điều đó còn phụ thuộc rất nhiều vào khả năng nhận thức, phân tích tình hình thế giới của mỗi quốc gia, khu vực để có những phản ứng thích hợp.

Nhận thức về tình hình thế giới đang ngày càng có nhiều biến chuyển sâu sắc, quá trình đổi mới về chính sách đối ngoại và quan hệ quốc tế của Đảng và Nhà nước Việt Nam bắt đầu từ năm 1986 đến nay đã có những bước tiến rõ rệt, xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

Đại hội VI (1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong quá trình triển khai chính sách đối ngoại của Việt Nam. Đại hội đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, trong đó có đổi mới về đối ngoại. Tháng 5-1988, Bộ Chính trị khóa VI đã thông qua Nghị quyết số 13-NQ/TW về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới, chỉ rõ cần: “giữ vững hòa bình, phát triển kinh tế”, nhấn mạnh nhiệm vụ ngoại giao phục vụ ổn định chính trị, ưu tiên phát triển kinh tế là hàng đầu, đồng thời bảo vệ Tổ quốc”.

Tiếp đó, nhận thức rõ tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh “Việt Nam sẵn sàng làm bạn với tất cả

mọi nước dân chủ”, tại Đại hội VII (1991) Đảng khẳng định đường lối, chính sách đối ngoại “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế” và tư tưởng này đã được Đại hội Đảng lần thứ IX bổ sung, hoàn thiện thành “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế”. Quan điểm này thể hiện sự tự tin của Việt Nam trong quá trình gia nhập môi trường quan hệ quốc tế đang ngày càng trở nên phức tạp. Điều đó cũng cho thấy những bước tiến rõ rệt trong quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam thời kỳ đổi mới.

Trên đà phát triển đó, để tiếp tục hoàn chỉnh và phát triển đường lối, chính sách đối ngoại đổi mới của Đảng và Nhà nước Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển năm 2011)* khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”¹.

Đại hội Đảng XI nhấn mạnh: “Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ

quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”; “Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ quốc tế đi vào chiều sâu trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tối đa nội lực, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc; chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế”².

2. Quá trình xây dựng các quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam

Công tác đối ngoại từ năm 2001 đến nay đã phản ánh rõ nét những điều chỉnh quan trọng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam bắt đầu với Đại hội IX và được phát triển hơn nữa tại Đại hội X và Đại hội XI. Trong giai đoạn này, những nỗ lực của Việt Nam nhằm thiết lập và tăng cường các quan hệ đối tác đã đạt được nhiều bước tiến quan trọng.

Trên bình diện song phương, thành tựu nổi bật nhất của ngoại giao Việt Nam là đã xây dựng được một “mạng lưới” quan hệ đối tác rộng khắp, từ các nước láng giềng - khu vực đến các nước lớn, từ các nước bạn bè truyền thống đến các đối tác tiềm năng. Không chỉ phát triển theo bề rộng, Việt Nam đã bước đầu đưa quan hệ đối tác, đặc biệt là các đối tác quan trọng, đi vào chiều sâu, ổn định và bền vững. Với từng đối tác, Việt Nam đã chủ động trao đổi và hướng tới xây dựng mô hình, khuôn khổ phù hợp với đặc thù quan hệ giữa các bên.

Cho đến nay, Việt Nam đã thiết lập đối tác chiến lược với 14 nước³. Trong các nước đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam, có thể thấy cách tiếp cận và xây dựng các quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam rất linh hoạt. Trong số này có các nước láng giềng, nước lớn, các nền kinh tế phát triển, bạn bè truyền thống, đối tác tiềm năng. Khuôn khổ quan hệ có thể rất

rộng, rất mở, hoặc tập trung vào các lĩnh vực hợp tác cụ thể.

Có thể thấy, việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam với các nước xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, phụ thuộc vào mỗi mối quan hệ cụ thể. Tuy nhiên, xét về tổng quan, có một số nguyên nhân chính thúc đẩy việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược giữa Việt Nam với các nước: 1. Việt Nam có lợi ích to lớn về an ninh và phát triển trong quan hệ với các đối tác đó; 2. Quan hệ của Việt Nam và các nước này đã có sự đan xen lợi ích ở nhiều mức độ khác nhau trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, thương mại, đầu tư, giáo dục...; 3. Giữa Việt Nam và nhiều đối tác này đã đạt được sự hiểu biết lẫn nhau, một số đối tác có sự tương đồng về chính trị, có sự sẻ chia lợi ích và quan điểm về nhiều vấn đề có tầm ảnh hưởng khu vực và thế giới; 4. Duy trì và mở rộng quan hệ với các đối tác chiến lược tạo không gian và cơ hội cho Việt Nam thực hiện tốt các mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tạo thuận lợi cho quá trình hội nhập, nâng cao vị thế đất nước trong khu vực cũng như trên thế giới.

3. Đặc điểm quá trình triển khai quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam

Thứ nhất, luôn kiên trì thực hiện chủ trương Việt Nam muốn là bạn, đối tác tin cậy với mọi quốc gia trên thế giới trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng, cùng có lợi với phương châm “thêm bạn, bớt thù”. Quan điểm “thêm bạn, bớt thù” là tinh thần chính của Nghị quyết 13 Bộ Chính trị khóa VI (tháng 5-1988). Đây là nhu cầu cần thiết của Việt Nam trong giai đoạn này khi Việt Nam đang xây dựng chính sách đối ngoại để thoát khỏi cấm vận về kinh tế.

Vẫn trên tinh thần ấy, Đại hội IX một lần nữa khẳng định “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế,

phần đầu vì hòa bình, độc lập và phát triển”. Có thể thấy, việc đưa ra khái niệm “đối tác tin cậy” đã thể hiện tính trách nhiệm cao hơn của Việt Nam trong quan hệ quốc tế. Tính chủ động cao hơn cũng đi liền với tính trách nhiệm cao hơn trong quan hệ quốc tế. Điều này dường như là một trong những nét chính trong từ “đối tác” mà Đại hội IX đã đưa ra.

Điều đáng lưu ý là trong lý luận và thực tiễn về mối quan hệ đối tác, kể cả đối tác chiến lược trên thế giới, người ta vẫn đề nghị một khả năng là mối quan hệ đối tác có thể được chấm dứt do không thành công hoặc chuyển sang một lĩnh vực khác. Nhưng quan hệ đối tác tin cậy của Việt Nam đưa ra dường như luôn nhằm tới mục đích duy trì quan hệ lâu dài.

Việt Nam xác định, trong mỗi quan hệ “vừa là bạn, vừa là đối tác tin cậy”, các bên tham gia vừa cùng nhau tạo dựng mối quan hệ sao cho phù hợp với yêu cầu của mình và đồng thời phù hợp với tình hình thế giới và thực hiện các bên cùng có lợi. Lợi ích của mỗi quan hệ ấy lớn và quan trọng tới mức tất cả các bên tham gia không chỉ coi trọng, không thể bỏ qua, không ngừng phát triển, mà còn hết sức duy trì và bảo vệ mối quan hệ ấy trong mọi tình huống. Không tách biệt giữa quan hệ đối tác và tin cậy thành hai khái niệm biệt lập. Nếu chỉ mình nó thì mỗi quan hệ đối tác không có gì mới, cái khó vẫn là ở chỗ “tin cậy”. Sức sống và thuyết phục của mỗi quan hệ đối tác tin cậy chính là ở chỗ nó có lợi gì và lợi ích ấy lâu bền đến đâu, cơ bản đến đâu, có ý nghĩa chiến lược đến đâu cho các nước tham gia. Vì thế, việc xác định ra mẫu số lợi ích chung và quan tâm thỏa đáng đến tạo dựng và không ngừng củng cố lòng tin vào nhau, sự tin cậy lẫn nhau trên cơ sở quan hệ hữu nghị, hòa bình và ổn định lâu dài là hợp tác cùng có lợi là những thành tố hữu cơ, liên quan mật thiết đến nhau⁴.

Chủ trương xây dựng quan hệ đối tác trước hết xuất phát từ nhu cầu phát triển quan hệ hợp tác của Việt Nam với các nước; Việt Nam tuyên bố “là đối tác tin cậy” của các nước trong cộng đồng quốc tế là thuận chiều với lý luận và thực tiễn quan hệ quốc tế; quan hệ đối tác chỉ xuất hiện khi quan hệ hợp tác hình thành và phát triển đến một mức độ nào đó; quan hệ đối tác cũng tuân theo quy luật lượng chuyển thành chất trong quan hệ quốc tế.

Thứ hai, khái niệm về quan hệ đối tác, đối tượng đã được nhận thức rõ trong Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Trong đó, Nghị quyết nêu rõ đối tác là “những ai chủ trương tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác của chúng ta” và “đối tượng” là bất kể thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng đấu tranh. Mặt khác, trong tình hình diễn biến phức tạp và mau lẹ hiện nay, cần có cách nhìn biện chứng: trong mỗi đối tượng vẫn có những mặt cần tranh thủ, hợp tác; trong một số đối tác, có thể có mặt khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích của ta. Trên cơ sở đó, cần phải khắc phục cả hai khuynh hướng mơ hồ, mất cảnh giác hoặc cứng nhắc trong nhận thức, chủ trương và xử lý các tình huống cụ thể.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr 188, 189

3. Liên bang Nga (2001), Ấn Độ (2007), Trung Quốc (2008), Nhật Bản, Hàn Quốc, Tây Ban Nha (2009), Anh, Hà Lan (2010), Đức, Đan Mạch (2011), Pháp, Italia, Singapore, Indônêxia (2013)

4. Xem Phạm Bình Minh (chủ biên): *Cục diện thế giới đến 2020*, Nxb CTQG, H, 2010, tr.301.